

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/DS-PT

Ngày: 09-5-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự  
vay tài sản và chuyển giao nghĩa vụ”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Văn Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLPT-DS ngày 03/4/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và chuyển giao nghĩa vụ”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐ-PT ngày 06/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2023/QĐ-HPT ngày 26/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1962; cư trú tại số 17, chợ L, tổ dân phố H, thị trấn D, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thu T, sinh năm: 1997; địa chỉ liên lạc: số 11A, đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2380, quyền số 02/2022, SCT/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H chứng thực ngày 10/10/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Trần Văn V, bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1968; cư trú tại số 29, khu phố M, thị trấn D, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị V, sinh năm: 1979; cư trú tại khu tập thể giáo viên, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Ngô Thị H - Nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 20/6/2022 của bà Ngô Thị H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Trần Thu T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Trước đây bà Đặng Thị V có nợ bà H số tiền 1.200.000.000đ, bà V vay tiền của bà H sau đó cho bà T vay lại số tiền này. Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà V trả nợ tuy nhiên bà V xin khất nợ, sau đó nói với bà H là bà V bị bệnh tật và lấy tiền của bà H cho bà T vay. Vì vậy bà V có trao đổi với ba người gồm: Bà H, bà V, bà T gặp nhau để thỏa thuận chuyển giao số tiền bà V nợ bà H sang cho bà T; việc này được cả ba đồng ý và có viết giấy nhận nợ vào ngày 03/5/2020 với nội dung: Bà T đồng ý đứng ra nhận số nợ 1.200.000.000đ, có trách nhiệm trả số tiền này cho bà H trong thời gian 01 năm, nếu bà T bán vườn và nhà ở Trại Hành thì phải hoàn trả số tiền trên trước thời hạn; thỏa thuận này được 03 bên cùng thống nhất ký. Đến nay, dù đã quá thời hạn nhưng bà T vẫn chưa trả số tiền trên cho bà H dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần. Vì vậy nay bà H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T, ông Trần Văn V phải có trách nhiệm trả số tiền 1.200.000.000đ đã nhận nợ vào ngày 03/5/2020 và số tiền lãi là 255.000.000đ theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/5/2020 đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là ngày 18/6/2022.

Quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện ĐD đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự để triệu tập vợ chồng ông Trần Văn V, bà Huỳnh Thị T đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng vợ chồng ông V, bà T đều vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 10/11/2022 thì bà T thừa nhận có ký vào giấy thỏa thuận 03 bên nói trên; xin được trả dần cho bà H cho đến khi hoàn tất số nợ trên vì hoàn cảnh gia đình đang khó khăn.

- Bà Đặng Thị V xác định việc của bà H có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền 1.200.000.000đ đã nhận nợ vào ngày 03/5/2020 là hoàn toàn đúng. Trước đây bà có vay nhiều lần tiền của bà H, đến ngày 04/7/2019 bà và bà H chốt lại bà còn nợ bà H số tiền 1.200.000.000đ. Bà vay tiền của bà H sau đó cho bà T vay lại để bà T làm ăn. Do bà bị mất khả năng trả nợ nên vào ngày 03/5/2020 cả ba người gồm bà, bà H và bà T cùng ngồi lại thống nhất thỏa thuận việc chuyển giao số nợ bà T nợ bà số tiền 2.000.000.000đ, thay vì bà T trả cho bà thì bà T có trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền 1.200.000.000đ, việc thỏa thuận chuyển giao nợ cả ba cùng thống nhất lập giấy và cùng ký xác nhận; cũng trong ngày 03/5/2020, sau khi cả ba người viết giấy chuyển giao nợ và bà H cũng đã đồng ý xác nhận bà không còn nợ bà H số tiền 1.200.000.000đ. Số tiền 800.000.000đ bà T còn nợ bà, bà cũng đã khởi kiện bà T, Bản án đã có hiệu lực pháp luật vào ngày 17/02/2021. Do vậy bà không có liên quan gì đến vụ kiện giữa bà H và bà T.

Tại Bản án số 03/2023/DS-ST ngày 16/02/2023; Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H khởi kiện tranh chấp vay tài sản, chuyển giao nghĩa vụ với bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền 1.413.600.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc buộc ông Trần Văn V có trách nhiệm cùng bà Huỳnh Thị T trả số tiền 1.413.600.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 03/3/2023 bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng ông Trần Văn V, bà Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.413.600.000đ.

*Tại phiên tòa,*

Bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc vào ngày 04/7/2019 bà Đặng Thị V có vay của bà Ngô Thị H số tiền 1.200.000.000đ; sau đó đến ngày 03/5/2020 bà Ngô Thị H, bà Đặng Thị V và bà Huỳnh Thị T cùng nhau thỏa thuận chuyển giao số nợ của bà V sang cho bà T, theo đó bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nói trên thay cho bà V trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 03/5/2020. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và chuyển giao nghĩa vụ*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị H thì thấy rằng:

Theo nội dung giấy nhận nợ ngày 03/5/2020 thể hiện bà V có nợ bà H số tiền 1.200.000.000đ, sau đó bà T nhận trả số nợ trên cho bà H thay bà V trong thời hạn 01 năm. Giấy nhận nợ trên được người sang nợ bà V, người nhận nợ bà T và chủ nợ bà H ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà T xin trả dần cho bà H cho đến khi tất toán số tiền trên. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc và nợ lãi là có căn cứ.

Đối với việc bà H yêu cầu buộc cả vợ chồng bà Huỳnh Thị T, ông Trần Văn V cùng có trách nhiệm trả số tiền nhận nợ gốc và lãi thì thấy rằng:

Như phân tích trên thì giấy nhận nợ ngày 03/5/2020 xét về bản chất là thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ; theo đó bà T (người thế vụ) đồng ý trả cho bà H (bên có quyền) số tiền mà bà V (bên có nghĩa vụ) còn nợ bà H; việc thỏa thuận này được bà H đồng ý. Tại giấy nhận nợ này không có ông Trần Văn V cùng xác nhận và đồng ý trả nợ với bà T. Nguyên đơn cho rằng số tiền nhận nợ của bà T là nợ chung của vợ chồng ông V, bà T; bà T vay là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh. Mặt khác như đã phân tích thì xét về bản chất thì việc nhận trả nợ của bà T xuất phát từ việc bà T có nợ của bà V; đây chỉ là thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ chứ trong thực tế bà T không trực tiếp vay tiền từ bà H; nội dung của giấy nhận nợ ngày 03/5/2020 bà T cũng thể hiện “*Tôi có thiếu em Vân một số tiền...*”, không thể hiện cả hai vợ chồng cùng vay. Do vậy bà H yêu cầu ông V cùng có trách nhiệm với bà T trả nợ cho bà H là không có căn cứ xem xét.

Cấp sơ thẩm chỉ buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà H nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

[3] Bà H có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu, chứng cứ đã nộp tại giai đoạn sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà H. Lẽ ra bà H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, hiện nay bà H, sinh năm 1962; đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi, có đơn xin miễn, giảm án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 370, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và chuyển giao nghĩa vụ*” đối với bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền 1.413.600.000đ (*một tỷ bốn trăm mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó có 1.200.000.000đ (*một tỷ hai trăm triệu đồng*) tiền gốc và 213.600.000đ (*hai trăm mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu ông Trần Văn V có trách nhiệm cùng bà Huỳnh Thị T trả số tiền nói trên.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu 54.408.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị H.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện ĐD (01);
- Chi cục THADS huyện ĐD (01);
- Dương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**